

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2017/HS-ST
Ngày: 19/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2017/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T, sinh năm 1997 tại Hà Tĩnh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1966 và bà Võ Thị T, sinh năm 1967; có 03 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001; chưa vợ, con; tiền sự, tiền án: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2017 đến nay; có mặt.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương xin vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng T và đối tượng tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có mối quan hệ bạn bè nên quen biết nhau.

Khoảng 16 giờ, ngày 05/5/2017, L điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu xanh trắng, biển số 63B1-432.37 đến phòng trọ của T tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương để chơi. Sau đó, L rủ T đi tìm xe mô tô của người dân để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Thực hiện ý định trên, L điều khiển xe mô tô biển số 63B1-432.37 chở T đi qua các tuyến đường để tìm xe mô tô sơ hở nhằm chiếm đoạt, trên đường đi L đưa cho T 01 (một) thanh đoản hình chữ “T” bằng kim loại và nói sử dụng thanh đoản này để mở khóa xe, T cầm thanh đoản cật vào túi áo khoác đang mặc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực ấp H, xã T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thì L phát hiện ở sân nhà ông Nguyễn Văn Th có 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1-614.25 đang dựng, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe. L nói cho T biết và bảo T vào trộm cắp xe mô tô biển số 61E1-614.25, T đồng ý. L dừng xe cách vị trí xe mô tô biển số 61E1-614.25 đang dựng khoảng 10 mét để T đi vào bên trong trộm cắp xe mô tô biển số 61E1-614.25. Khi vào đến vị trí xe mô tô biển số 61E1-614.25, T ngồi lên yên xe quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên dùng tay bật chìa khóa, khởi động nổ máy và điều khiển xe mô tô biển số 61E1-614.25 chạy thoát. Khoảng 05 phút sau, ông Nguyễn Văn Th đi từ trong nhà ra phát hiện xe mô tô biển số 61E1-614.25 đã bị mất nên điện thoại báo Công an xã T biết sự việc. Công an xã T thông báo cho lực lượng Công an và Câu lạc bộ phòng chống tội phạm các xã, phường giáp ranh biết sự việc. Ông Nguyễn Văn T là thành viên Câu lạc bộ phòng chống tội phạm phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương nhận tin báo nên tổ chức tuần tra, chốt chặn tại khu vực ngã ba T 12 thuộc phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khoảng 18 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Văn T phát hiện T điều khiển xe mô tô biển số 61E1-614.25 chạy đến nên đuổi theo bắt giữ T cùng xe mô tô biển số 61E1-614.25 giao cho Công an phường T. Sau đó, Công phường T chuyển giao T cùng vật chứng cho Công an xã T xử lý. Công an xã T lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao T cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành lập biên bản tạm giữ vật chứng cùng tài liệu T mang theo gồm: 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1-614.25, số khung C6K0GY353920, số máy 5C6K353919; 01 thanh đoản bằng kim loại hình chữ “T”.

Tại Kết luận định giá số 90/KLTS-TTHS ngày 09/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1-614.25, số khung C6K0GY353920, số máy 5C6K353919 đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

Cáo trạng số 106/QĐ-KSĐT ngày 14/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 12 (*mười hai*) tháng đến 15 (*mười lăm*) tháng tù;

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh đoản kim loại hình chữ “T”;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng T 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T, số 184259950;

+ Đối với xe mô tô Biển số 61E1 – 614.25 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên chủ sở hữu. Ngày 30/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 74, trả lại xe mô tô 61E1 – 614.25 cho ông Th là đúng quy định của pháp luật nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Trọng T trình bày thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 106/QĐ-KSDT ngày 14/8/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T và trình bày về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra người bị hại ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông Th là chủ sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1–614.25, số khung C6K0GY353920, số máy 5C6K353919. Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 05/5/2017, ông Th điều khiển xe mô tô biển số 61E1–614.25 đi công việc về đến nhà ông Th tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì ông Th dựng xe trước nhà, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa và đi vào trong nhà để uống nước. Sau đó, ông Th lập tức quay ra vị trí dựng xe thì phát hiện chiếc xe mô tô đã bị mất. Ngay sau khi phát hiện bị mất xe, ông Th đã thông báo cho Công an xã T. Ngày 30/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho ông Th, ông Th không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bà Lê Thị Th (vợ của ông Th) thống nhất với lời khai của ông Th, do đã nhận lại xe nên bà không yêu cầu nào khác.

Quá trình điều tra người làm chứng trình bày: Ông Nguyễn Văn T là thành viên Câu lạc bộ phòng chống tội phạm phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Sau khi nhận tin báo ông T tổ chức tuần tra, chốt chặn tại khu vực ngã ba T 12 thuộc phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khoảng 18 giờ cùng ngày, ông T phát hiện Trung điều khiển xe mô tô biển số 61E1–614.25 chạy đến nên đuổi theo bắt giữ T cùng xe mô tô biển số 61E1–614.25 giao cho Công an phường T. Sau đó, Công phường T chuyển giao T cùng vật chứng cho Công xã T xử lý.

Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về nhà lao động nuôi gia đình, phụng dưỡng cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Vào khoảng 17 giờ 45 phút ngày 05/5/2017 tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Trọng T và đồng phạm đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1-614.25, số khung C6K0GY353920, số máy 5C6K353919 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên đăng ký chủ sở hữu, giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi, thái độ coi thường pháp luật mà cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 106/QĐ-KSĐT ngày 14/8/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 41, 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với 01 thanh đoản kim loại hình chữ “T” là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T, số 184259950 không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng T;

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 61E1–614.25 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên đăng ký chủ sở hữu, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 74 ngày 30/5/2017 trả lại cho ông Nguyễn Văn Th là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về kiến nghị: Hội đồng xét xử thấy không có văn bản hành chính hoặc hành vi hành chính nào của cơ quan nhà nước vi phạm nên không kiến nghị.

Đối với đối tượng tên L đã cùng với bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, do đó kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[10] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h và p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 12 (Mười hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh đoản kim loại hình chữ “T”;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng T: 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng T, số 184259950.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T)

5. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Công an thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền